

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 924/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 13 tháng 7 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Đông Hòa đến 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc duyệt đề cương nghiên cứu và dự toán kinh phí dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đông Hòa...;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư (tại Báo cáo số 437/BC-SKHĐT ngày 22 tháng 12 năm 2009 và Công văn số 300/SKHĐT-THQH ngày 15 tháng 4 năm 2010),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, với các nội dung sau:

I. TÊN QUY HOẠCH

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - Xã hội huyện Đông Hòa đến năm 2020.

II. MỐC THỜI GIAN

Quy hoạch đến năm 2020.

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÀ CÁC CHỈ TIÊU

1. Quan điểm phát triển:

- Phát triển kinh tế - xã hội Đông Hòa bền vững, đặt trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và cả nước với trọng tâm là Khu kinh tế Nam Phú Yên để trở thành địa bàn đột phá toàn diện của tỉnh Phú Yên.

- Tích cực chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường; khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tại chỗ, phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng phát triển giáo dục, tăng cường đào tạo chuyên môn kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ quản lý, người lao động.
- Liên kết phát triển giữa Đông Hòa với thành phố Tuy Hòa và các huyện lân cận, các khu kinh tế trọng điểm.
- Tăng cường củng cố an ninh quốc phòng; phát huy đoàn kết giữa cộng đồng các tôn giáo đang sinh sống tại địa phương, thực hiện tốt chính sách tôn giáo.
- Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh, bộ máy hành chính tinh gọn, minh bạch, đội ngũ cán bộ ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ; mở rộng dân chủ, người dân thật sự làm chủ, có cơ hội tham gia vào đời sống chính trị xã hội.

2. Mục tiêu phát triển chủ yếu:

a) Mục tiêu tổng quát:

- Đưa kinh tế huyện Đông Hòa phát triển nhanh, chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững, tích cực; xây dựng Đông Hòa thành thị xã công nghiệp, trung tâm giao thương quốc tế, cảng biển lớn của vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên;
- Phát huy tiềm năng, vai trò là một trong những huyện có vùng sản xuất nông nghiệp lớn của tỉnh, thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp; ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa, đạt hiệu quả;
- Hạn chế sự chênh lệch về phát triển sản xuất và đời sống giữa các vùng, các tầng lớp dân cư; phát triển số lượng và nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2006-2020 đạt 19,5%/năm, trong đó: giai đoạn 2006-2010 tăng 20,6%/năm, giai đoạn 2011-2015 tăng 22,9%/năm và giai đoạn 2016-2020 tăng 15,1%/năm; đưa tỷ trọng GDP của huyện trong nền kinh tế tỉnh lên 38,6% vào năm 2020;
- Cơ cấu kinh tế năm 2010, nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 16,73%; công nghiệp - xây dựng chiếm 52,37%; dịch vụ chiếm 30,9%, tương ứng đến năm 2020 là 3,89%; 70,88% và 25,13%;
- GDP bình quân đầu người 2010 đạt 1.357 USD, tương đương 23,61 triệu đồng; năm 2015 đạt 4.365 USD, tương đương 79,88 triệu đồng và năm 2020 đạt 8.059 USD, tương đương 162,79 triệu đồng, gấp hơn 2,7 lần so với trung bình chung cả tỉnh;
- Tỷ lệ thu ngân sách địa phương trên GDP đạt 9-10% vào năm 2010 và 13-14% vào năm 2015 và trên 18% vào năm 2020;
- Tốc độ tăng dân số tự nhiên bình quân giai đoạn 2006-2010: 1,15%/năm, giai đoạn 2011-2020 bình quân 1,15-1,1%/năm, riêng năm 2020: 1%; tăng dân số cơ học bình quân 0,4-0,55%/năm; giải quyết việc làm hàng năm cho khoảng 2.400 - 2.500 lao động địa phương trong giai đoạn 2006-2020;
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 7,6% vào năm 2010 và năm 2020 cơ bản không còn hộ nghèo (dưới 2%; theo tiêu chí 2005);

- Đến năm 2020, có trên 80% số trường tiểu học và trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia; đạt chuẩn quốc gia về phổ cập trung học phổ thông năm 2012; tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề lên 30% năm 2010; 60% vào năm 2015 và trên 70% vào năm 2020;

- Đến năm 2010, có 10/11 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 15,5% vào năm 2010; dưới 6,5% vào năm 2015 và dưới 5% vào năm 2020;

- Đảm bảo trên 95% số hộ gia đình được sử dụng nước sạch, hơn 99,5% số hộ có điện sử dụng vào năm 2010, các xã đều có sóng điện thoại di động;

- Xây dựng khu vực Hòa Vinh trở thành thị trấn huyện lỵ Đông Hòa - trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá, khoa học - kỹ thuật huyện Đông Hòa vào năm 2010;

- Tỷ lệ che phủ của rừng 34% năm 2010 và 35% năm 2020.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN

Chọn phương án 2 nêu trong Quy hoạch làm phương án thực hiện. Phần đầu tốc độ tăng trưởng GDP bình quân cả thời kỳ 2006-2020 là 19,5%; trong đó, 2006-2010: 20,6%, 2011-2015: 22,9%, 2016-2020: 15,1%.

1. Phát triển các ngành và lĩnh vực:

a) Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp: đưa ngành công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân giai đoạn 2006-2020: 25,4%/năm, trong đó giai đoạn 2006-2010 tăng 21,2%/năm; giai đoạn 2011-2015 tăng 39,1%/năm; giai đoạn 2016-2020 tăng 16,9%/năm. Giá trị sản xuất năm 2020 đạt 20.887 tỷ đồng. Phát triển một số ngành chủ yếu:

- Ngành công nghiệp lọc, hóa dầu: thúc đẩy triển khai đầu tư các dự án lọc dầu Vũng Rô và hóa dầu Hòa Tâm;

- Nhóm ngành công nghiệp chế biến: sản xuất thực phẩm và đồ uống, chế biến thủy sản, chế biến thịt gia súc gia cầm, chế biến nhân hạt điều xuất khẩu, chế biến gỗ mỹ nghệ và mây - tre lá xuất khẩu, chế biến lương thực, thực phẩm, chế biến thức ăn nuôi trồng thủy sản, thức ăn gia súc, gia cầm, chế biến nhựa;

- Công nghiệp điện - điện tử: đầu tư dự án lắp ráp, sản xuất các thiết bị điện tử cao cấp. Dự kiến sản lượng đạt 100.000 - 150.000 sản phẩm/năm;

- Cơ khí chế tạo: củng cố và duy trì các cơ sở cơ khí hiện có, khuyến khích đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, tăng cường khả năng sản xuất chế tạo các chi tiết, phụ tùng máy móc thiết bị, đúc các sản phẩm kim loại;

- Vật liệu xây dựng: khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường sinh thái;

- Sản xuất và phân phối điện: đầu tư xây dựng thêm 3 trạm biến áp 110/22KV - 25MVA;

- Sản xuất và cung cấp nước: đầu tư nhà máy cung cấp nước tập trung công suất 3.000m³/ngày đêm trong giai đoạn 2006-2010. Đầu tư nhà máy cung cấp nước có công suất 450.000-500.000 m³/ngày đêm trong giai đoạn 2010-2015;

- Phát triển làng nghề:

+ Tập trung hỗ trợ vốn, thị trường tiêu thụ, xây dựng thương hiệu cho các Hợp tác xã, làng nghề sản xuất chiếu cói ở thôn Phú Hòa, làng nghề gốm ở thôn 5 (xã Hòa Vinh), làng nghề sản xuất nước mắm ở Hòa Hiệp Trung;

+ Phối hợp với các Trung tâm đào tạo nghề của tỉnh, Trung tâm Khuyến công đào tạo các nghề thêu ren, chạm trổ, điêu khắc trên gỗ, đá, các sản phẩm mỹ nghệ, trang trí làm từ đất sét, sỏi, các nguyên vật liệu từ thiên nhiên... cho bà con nông dân.

b) Phát triển ngành dịch vụ: tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ (VA theo giá cố định năm 1994) bình quân giai đoạn 2006-2020: 19,3%/năm, trong đó giai đoạn 2006-2010: 23,6%/năm, giai đoạn 2011-2015: 18,5%/năm và giai đoạn 2016-2020: 15,9%/năm; tổng mức mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ xã hội năm 2020 đạt 9.500 tỷ đồng tăng gấp 6,8 lần năm 2010;

- Dịch vụ: phát triển dịch vụ cảng và vận tải biển, đưa khu vực Vũng Rô và Khu kinh tế Nam trở thành trung tâm kinh tế hàng hải vùng Nam Trung Bộ; phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng; phát triển hệ thống thông tin liên lạc; phát triển mạnh dịch vụ vận tải hành khách;

- Thương mại: xây dựng huyện Đông Hòa thành trung tâm giao dịch thương mại; đa dạng hóa các hoạt động thương mại phục vụ sản xuất và đời sống dân cư; nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh hàng hóa nông thủy sản sản xuất trên địa bàn; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho ngành thương mại; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ cán bộ quản lý thị trường, đào tạo và đào tạo lại nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trong thời kỳ hội nhập;

- Du lịch: phát triển du lịch theo hướng bền vững, gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên, khai thác các di tích lịch sử, thắng cảnh, địa thế, địa hình để phát triển mạnh các loại hình du lịch sinh thái biển, sinh thái rừng, du lịch đồng quê, du lịch làng nghề, văn hóa...; định hướng phát triển các điểm du lịch: di tích lịch sử Tàu không số (tại Bãi Chùa), vịnh Vũng Rô; Đèo Cả - Vũng Rô - Núi Đá Bia; Bãi Môn - Mũi Điện; Biển Hồ - Đập Hàn; Bãi Bàng; Bãi Tiên; Hòn Nưa.

c) Nông lâm ngư nghiệp và phát triển nông thôn: phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế nông lâm thủy sản bình quân giai đoạn 2006-2020 (theo VA) từ 3,5-3,8%/năm, trong đó, giai đoạn 2006-2010: 3,7%/năm; giai đoạn 2011-2020: 3,9%/năm; giá trị sản xuất năm 2020 đạt 479,2 tỷ đồng, tăng gấp 1,5 lần năm 2010 (theo giá cố định năm 1994).

* Nông nghiệp:

- Trồng trọt: cây lúa: diện tích canh tác đến năm 2020 khoảng 4.674ha, diện tích gieo trồng khoảng 8.922ha; cây bắp: phát triển diện tích đến năm 2010 khoảng 200ha và năm 2020 khoảng 350 - 400ha, năng suất bình quân 50 - 60 tạ/ha; cây thực phẩm: diện tích trồng hàng năm trên địa bàn toàn huyện 250 - 300ha, thực hiện luân canh 3 - 4 vụ rau/năm; cây sắn: diện tích trồng đến năm 2010 khoảng 80 - 100ha, đến năm 2020 duy trì ở mức 130 - 150ha, phấn đấu đạt năng suất bình quân > 10 - 12 tấn/ha; cây mía: diện tích 100 - 150ha vào năm 2020, phấn đấu năng suất trên 50 tấn mía cây/ha; cây bông vải: diện tích trồng lên khoảng 100ha vào năm 2010 và 150ha vào năm 2020, đảm bảo năng suất 30 - 35 tạ/ha; cây điều: diện tích trồng năm 2010 khoảng 500ha và năm 2020 khoảng 700 - 800ha, năng suất đạt từ 0,8 - 1,2 tấn/ha; cây

ăn quả: đến năm 2010 đưa diện tích trồng cây ăn quả lên 100ha và khoảng 150 - 200ha vào năm 2020;

- Chăn nuôi: đàn bò: đến năm 2010 có khoảng 17.000 con và năm 2020 khoảng 27.000 con, tăng bình quân 4,4%/năm; đưa tỷ trọng bò lai chiếm 60 - 65% tổng đàn vào năm 2010 và trên 80 - 85% vào năm 2020; năng trọng lượng xuất chuồng bình quân lên 350 - 400 kg/con vào năm 2010 và 500 - 550 kg/con vào năm 2020; đàn heo: phát triển lên 35.000 con vào năm 2010 và khoảng 56.000 con vào năm 2020, tăng bình quân mỗi năm 4,5%; đàn gia cầm: quy mô đàn lên 560.000 con vào năm 2010 và 1.100.000 con năm 2020;

* Lâm nghiệp: đến năm 2020, toàn huyện có khoảng 7.650ha đất lâm nghiệp, độ che phủ rừng 35%; cơ cấu: rừng phòng hộ: 1.235ha; rừng đặc dụng: 5.345 rừng sản xuất: 1.070ha;

* Thủy sản:

- Nuôi trồng thủy sản nước lợ: diện tích nuôi tôm nước lợ đến năm 2020 khoảng 900ha; tăng cường chuyển đổi hình thức nuôi; giai đoạn 2006-2010 có 5-7% diện tích nuôi tôm công nghiệp, 40% diện tích nuôi bán thâm canh; 53 -55% diện tích nuôi quảng canh cải tiến; giai đoạn 2010-2015 có 10% diện tích nuôi công nghiệp; 55-60% diện tích nuôi thâm canh, 30-35% diện tích nuôi quảng canh cải tiến; giai đoạn 2015-2020 có 15%-20% diện tích nuôi công nghiệp; 80-85% diện tích nuôi thâm canh; năng suất nuôi trồng đạt 3 tấn/ha vào năm 2010; 3,5 tấn/ha năm 2015 và 4 tấn/ha năm 2020; sản lượng nuôi trồng năm 2020 đạt 4.000 tấn, tăng gần 4,3 lần so với năm 2005;

- Sản xuất giống cho nuôi tôm: đảm bảo cân đối cung cấp phần lớn giống cho nuôi tôm trên địa bàn; sản lượng tôm giống đạt khoảng 450 triệu con vào năm 2010 và 900 triệu con vào năm 2020;

- Đánh bắt thủy sản: chuyển đổi mạnh cơ cấu tàu thuyền nhằm hạn chế đánh bắt ven bờ làm cạn kiệt tài nguyên biển (không đóng mới tàu thuyền cơ giới có công suất dưới 45CV, hạn chế đóng mới tàu thuyền có công suất dưới 60CV); sản lượng khai thác thủy sản năm 2010 đạt 7.150 tấn, năm 2015: 9.200 tấn; năm 2020: 12.500 tấn, tốc độ tăng bình quân 4,9%/năm; phát triển các hình thức tổ hợp tác khai thác thủy sản để nâng cao năng lực đánh bắt xa bờ, đồng thời tham gia bảo vệ an ninh trên lãnh thổ biển Đông.

d) Phát triển các lĩnh vực xã hội:

- Phát triển dân số, giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo:

+ Nâng cao chất lượng dân số, nguồn nhân lực, môi trường sống; xã hội hóa công tác dân số và phát triển; thực hiện tốt chương trình hành động vì trẻ em;

+ Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, tiến đến hình thành thị xã Đông Hòa vào năm 2020; năm 2020, dự kiến dân số đô thị chiếm khoảng 26,2% dân số;

+ Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn kỹ thuật cho lực lượng lao động, cán bộ quản lý; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 30% vào năm 2010; 50% vào năm 2015 và 70% năm 2020; giải quyết việc làm thêm cho hơn 34,46 nghìn lao động, bình quân mỗi năm cần có thêm 3.500 - 4.500 chỗ làm việc mới; xây dựng

các chính sách đãi ngộ nhằm khuyến khích, thu hút lao động có trình độ quản lý, có tay nghề cao về làm việc tại huyện Đông Hòa;

+ Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 7,6% vào năm 2010 và đến năm 2020, cơ bản không còn hộ nghèo (dưới 2%), ngăn chặn khả năng tái nghèo; đến hết năm 2010 không còn nhà ở tạm của hộ nghèo.

- Phát triển giáo dục và đào tạo:

+ Giáo dục mầm non: nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ em trước 6 tuổi; huy động trẻ từ 3-5 tuổi đến trường đạt tỷ lệ trên 60% vào năm 2010, trên 90% vào năm 2020; trẻ em 5 tuổi đến lớp mẫu giáo để chuẩn bị vào lớp 1 đạt tỷ lệ 100%;

+ Giáo dục phổ thông: đến năm 2010, huy động toàn bộ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, tuyển sinh vào lớp 6 trung học cơ sở (THCS) hàng năm đạt 100% học sinh tốt nghiệp tiểu học; học sinh trong độ tuổi 11-14 đến trường THCS đạt 95%; học sinh trong độ tuổi 15-17 đến trường trung học phổ thông (THPT) đạt 65% và trung học nghề đạt 20%; đến năm 2020, tuyển sinh vào lớp 6 THCS hàng năm đạt 100% học sinh tốt nghiệp tiểu học; học sinh trong độ tuổi 11-14 đến trường THCS đạt 99%; học sinh trong độ tuổi 15-17 đến trường THPT đạt 70% và trung học nghề đạt 20%;

+ Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới của ngành giáo dục, đảm bảo chất lượng và đồng bộ về cơ cấu; thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; từng bước đưa tin học, ngoại ngữ vào các trường phổ thông;

+ Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất ngành giáo dục: hoàn thành chương trình kiên cố hệ thống trường học, lớp học, cơ sở vật chất khang trang; tăng cường trang thiết bị dạy học cho học sinh, xây dựng thư viện, đảm bảo đến năm 2010 các trường đều có tủ sách và trang thiết bị tối thiểu để thực hiện thí nghiệm, thực hành;

+ Đào tạo: đa dạng hóa các loại hình đào tạo; đầu tư nâng cấp Trung tâm Dạy nghề huyện thành Trường trung học nghề để đào tạo nghề theo yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế và cơ cấu lao động.

- Y tế - chăm sóc sức khỏe nhân dân:

+ Củng cố và hoàn thiện cơ sở vật chất y tế từ huyện đến cơ sở; tăng tỷ lệ giường bệnh/vạn dân năm 2010: 16 giường; năm 2015: 22 giường và năm 2020: 25 giường; cải thiện và nâng cấp cơ sở vật chất, điều kiện làm việc các trạm y tế xã; đến năm 2010 có 10/11 xã, thị trấn và năm 2020 có 12/12 xã phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế;

+ Củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ y tế; phấn đấu tỷ lệ bác sỹ/vạn dân đạt 4 người vào năm 2010 và năm 2020 là 8 người;

+ Đẩy mạnh công tác y tế dự phòng; tiếp tục thực hiện các mục tiêu của chương trình quốc gia thanh toán một số bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm; quan tâm đúng mức đến công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ em, hạ thấp tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 15,5% vào năm 2010 và <5% năm 2020, đảm bảo 100% trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ 6 loại vacin cơ bản.

- Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao:

+ Đến năm 2010, toàn huyện có 90% số hộ gia đình, 80% số thôn và 60% số xã, 100% số cơ quan đạt chuẩn văn hóa, đến năm 2015 xấp xỉ 100%;

+ Xây dựng các thiết chế văn hóa; đầu tư xây dựng nhà văn hóa thôn, phấn đấu đến năm 2010, 30% thôn có nhà văn hóa, đến năm 2015 khoảng 50% và năm 2020: 100%; củng cố, phát triển hệ thống phát thanh, truyền hình đến 100% số xã, phát triển các đội thông tin lưu động, nâng cao chất lượng thông tin, tuyên truyền;

+ Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho thể dục thể thao; đến năm 2015, 100% xã đều có sân vận động quy mô từ 1,5-2,5ha; đẩy mạnh phong trào thể thao quần chúng, đưa hoạt động thể dục thể thao vào nếp sống thường xuyên ở các cơ quan, đơn vị, trường học, địa bàn dân cư; đến năm 2010 có 25% - 30% dân số tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên; 35 - 40% vào năm 2015 và trên 50% vào năm 2020.

- Đảm bảo an ninh, quốc phòng:

+ Triển khai, thực hiện một cách sâu rộng, có hiệu quả chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, chương trình hành động phòng chống ma túy, về đảm bảo trật tự an toàn giao thông; xây dựng lực lượng công an cơ sở đủ quân số, trang bị phương tiện, thiết bị, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật nghiệp vụ đảm bảo phục vụ có hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

+ Củng cố xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc; tiếp tục xây dựng các công trình phòng thủ, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho khu kinh tế gắn kết với quốc phòng.

e) Kết cấu hạ tầng:

* Giao thông:

- Đường bộ:

+ Tạo điều kiện thuận lợi để đầu tư xây dựng đường hầm đèo Cả trong giai đoạn 2009-2012;

+ Kiến nghị Chính phủ đầu tư xây dựng tuyến đường quốc lộ cao tốc trên địa bàn tỉnh Phú Yên trong giai đoạn 2011-2016; đầu tư xây dựng tuyến đường ĐT645B (điểm đầu nối cầu Hùng Vương, điểm cuối nối cầu Đà Nông); nâng cấp, mở rộng ĐT645 (đoạn qua địa bàn huyện dài 3km), kiến nghị Bộ Giao thông vận tải chuyển thành quốc lộ; nâng cấp, mở rộng tuyến Gò Mắm - Đông Mỹ - Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1; nâng cấp mở rộng tuyến đường Ba Bàng - Phú Hiệp; nâng cấp mở rộng tuyến đường từ đỉnh đèo Cả - Bãi Ngà; xây dựng mới tuyến Hòa Xuân - Sơn Thành (điểm đầu giao quốc lộ 1A, điểm cuối giao với ĐT645 tại xã Sơn Thành Đông - huyện Tây Hòa); đầu tư xây dựng tuyến đường Phú Khê - trung tâm xã Hòa Tâm mới - Đa ngư (xã Hòa Hiệp Nam; dài khoảng 9km), đạt tiêu chuẩn nền rộng 42m, mặt đường rộng 21m, cầu vượt đường sắt trong giai đoạn 2009-2014; xây dựng tuyến đường ngã ba Phòng khám khu vực Hòa Hiệp Trung - Bệnh viện Hàn Quốc; xây dựng tuyến đường giao thông liên thôn Nam Bình 1 - Nam Bình 2; nâng cấp tuyến đường Hòa Hiệp Bắc - Hòa Hiệp Nam; xây dựng mới: tuyến đường liên xã Hòa Vinh - Hòa Tân Đông, tuyến Bến Lớn sông Bàn Thạch đi xã Hòa Hiệp; kết hợp nhiều nguồn vốn để nâng cấp, mở rộng mạng lưới giao thông nông thôn; hàng năm mỗi xã thực hiện 1km

đường bê tông xi măng hoặc đường nhựa, phấn đấu đến năm 2015 đảm bảo giao thông thông suốt trên địa bàn.

- Xây dựng hệ thống bến, bãi đỗ xe: bến xe trung tâm huyện (tại thôn 2 xã Hòa Vinh), các bến xe khu vực (bến xe Vũng Rô; bến xe Phú Hiệp; bến xe Phú Lạc; bến xe Hòa Tâm); bãi đỗ xe tại khu vực thị trấn Hòa Vinh với quy mô 1 - 1,5 ha.

- Đường sắt: kiến nghị Chính phủ và phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi đầu tư nâng cấp Ga Phú Hiệp trở thành ga hàng hóa chính của Khu kinh tế Nam Phú Yên, xây dựng tuyến đường sắt Tuy Hòa - Tây Nguyên.

- Đường biển: tạo điều kiện thuận lợi để đầu tư nâng cấp cảng Vũng Rô; đồng thời, xây dựng cảng vận tải tổng hợp Vũng Rô tại Bãi Chính, đưa năng lực hàng hóa thông qua cảng Vũng Rô lên khoảng 1 triệu tấn/năm vào năm 2010; sau năm 2010 khoảng 4-5 triệu tấn/ năm.

- Tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư xây dựng mới cảng Bãi Gốc thành cảng lớn, có thể tiếp nhận tàu trên 250.000DWT (dự án hạ tầng Khu công nghiệp lọc hóa dầu Hòa Tâm).

* Bưu chính viễn thông: đảm bảo đến năm 2015 tỷ lệ xã, thị trấn có bưu điện, bưu cục đạt 100%, phủ sóng điện thoại đến 100% số xã; mật độ sử dụng điện thoại trong nhân dân, phấn đấu đến năm 2010 đạt 35 máy/100 dân, năm 2015 đạt 50 máy/100dân và năm 2020 đạt trên 50 máy/100 dân.

* Hệ thống cấp điện: tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng mạng lưới điện đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt, phấn đấu đến năm 2010 số hộ dùng điện đạt hơn 99,5%; phát triển nguồn điện: cải tạo, nâng cấp trạm biến áp E22 có công suất 25MVA thành trạm biến áp 110/22/15KV - 2x25MVA vào trước năm 2010 và 3 trạm biến áp 110/22KV - 25MVA; phát triển lưới điện: cải tạo, nâng cấp, xây dựng mạng lưới điện hiện đại, đúng kỹ thuật đảm bảo chất lượng điện ổn định, giảm tổn thất.

* Cấp, thoát nước:

- Cấp nước: phát triển các công trình cấp nước tập trung tại các khu vực đông dân cư, từng bước thay thế dần việc sử dụng nước giếng, phấn đấu đến năm 2010 có trên 90% dân cư sử dụng nước sạch qua lắng lọc, năm 2015 là 95% và đến năm 2020 là 100%; xây dựng nhà máy cấp nước tại thị trấn Hòa Vinh, với công suất từ 3.000 - 5.000 m³/ngàyđêm; mở rộng hệ thống cấp nước cho Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1 và các xã: Hòa Hiệp Bắc, Hòa Hiệp Trung; xây dựng các công trình cấp nước tập trung tại các khu dân cư tập trung; hoàn thành việc đầu tư hệ thống cung cấp nước sạch - vệ sinh môi trường ở các trường học, trạm y tế; giai đoạn sau 2010: xây dựng hệ thống cấp nước cho các Điểm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Bàn Nham Nam, các cơ sở sản xuất; đầu tư nâng cấp mở rộng nhà máy cấp nước thị trấn Hòa Vinh lên 8.000 - 10.000 m³/ngày đêm; tiếp tục xây dựng hệ thống cấp nước tập trung tại các khu dân cư; đầu tư nhà máy cung cấp nước có công suất 450.000 - 500.000 m³/ngày đêm trong giai đoạn 2010-2015;

- Thoát nước: xây dựng hệ thống thoát nước tại trung tâm huyện dọc theo các tuyến đường để thoát nước mưa và thu nước thải sinh hoạt từ các hộ gia đình và các

công trình công cộng; xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại Khu công nghiệp lọc hóa dầu Hòa Tâm, Nhà máy lọc dầu Vũng Rô, Khu dân cư Phú Hiệp; xây dựng trạm xử lý nước thải tại các Điểm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề, các cơ sở sản xuất công nghiệp hoạt động độc lập, các bệnh viện, trạm y tế... đảm bảo xử lý các chất thải độc hại theo quy định trước khi thải vào nguồn tiếp nhận;

- Thủy lợi: sửa chữa, duy tu các công trình thủy lợi xuống cấp đảm bảo an toàn và duy trì năng lực tưới hiện có, áp dụng các biện pháp tưới tiêu khoa học, tránh lãng phí nước, nâng cao hiệu quả tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp; đầu tư hồ chứa nước Đồng Bé (xã Hòa Tâm) với sức chứa 3 - 4 triệu m³; cải tạo hồ Biển Hồ và kênh dẫn bổ sung nước từ sông đào mới; đầu tư xây dựng đường và kè 2 bờ sông Bàn Thạch; đầu tư xây dựng mới hồ chứa nước Đồng Khôn Lớn (xã Hòa Xuân Tây) tưới 450ha lúa; trạm bơm điện Đồng Khôn tưới 170ha, trạm bơm điện Đá Cốc (xã Hòa Tân Đông) tưới 200ha, trạm bơm điện Chuồng Trâu (xã Hòa Hiệp Trung), trạm bơm điện Gò Thiệu (xã Hòa Hiệp Bắc); đầu tư xây dựng đê bao Suối Tỵ (xã Hòa Xuân Đông) để chống ngập úng cho cánh đồng xã Hoà Xuân Đông;

- Kết cấu hạ tầng đô thị: tiếp tục đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng: giao thông đô thị, cấp điện, cấp nước, công trình công cộng, khu vui chơi, thương mại... để hình thành thị trấn Hòa Vinh, đô thị loại V vào năm 2011 và đô thị loại IV vào năm 2018; đồng thời, thành lập các thị trấn Hòa Tâm, Phú Hiệp và một số thị tứ mới trên cơ sở nâng cấp các khu dân cư tập trung.

- Cơ sở vật chất ngành giáo dục đào tạo:

+ Đầu tư nâng cấp phát triển một số trường mẫu giáo, nhà trẻ tại các khu vực tập trung đông dân cư, khu vực thị tứ, thị trấn (Hòa Xuân Đông, Hòa Xuân Tây, Hòa Xuân Nam, Hòa Thành, Hòa Tân Đông, Hòa Vinh, Hòa Hiệp Bắc, Hòa Hiệp Trung, Hòa Hiệp Nam, Hòa Tâm), với tổng phòng học cần nâng cấp xây dựng mới khoảng 80 phòng;

+ Nâng cấp, cải tạo hệ thống các trường đang xuống cấp; đồng thời xây dựng mới một số trường: xây dựng mới Trường tiểu học xã Hòa Tâm mới với quy mô 16-18 phòng học; nâng cấp và xây dựng mới các phòng học ở các xã: Hòa Thành (40 phòng học), Hòa Tân Đông (22 phòng), Hòa Vinh (30 phòng học), Hòa Xuân Đông (20 phòng), Hòa Xuân Tây (30 phòng), Hòa Xuân Nam (20 phòng), Hòa Hiệp Bắc (15 phòng), Hòa Hiệp Trung (40 phòng), Hòa Hiệp Nam (15 phòng)...; đến năm 2010 tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia trên 80% và năm 2020 đạt 100%;

+ Đến năm 2010, có trên 70% trường và năm 2020 có 100% trường tiểu học và THCS đạt chuẩn quốc gia; xây dựng mới Trường THCS Trường Chinh (xã Hòa Hiệp Bắc), Trường THCS Lê Thánh Tôn (xã Hòa Xuân Nam; tách trường phổ thông cơ sở thành trường tiểu học và trường THCS), Trường THCS Quang Trung (xã Hòa Xuân Tây), trường THCS (xã Hòa Tâm mới); nâng cấp Trường THCS Nguyễn Chí Thanh (xã Hòa Xuân Đông), nâng cấp các phòng học xuống cấp tại các xã khác...

- Xây dựng mới Trường PTH Nguyễn Văn Linh (xã Hòa Hiệp Trung) phục vụ cho các xã: Hòa Tâm, Hòa Hiệp Nam, Hòa Hiệp Trung và vùng lân cận; xây dựng mới 01 trường tại xã Hòa Xuân Đông; đến năm 2010 có 1 trường đạt trường chuẩn quốc gia, năm 2020 là 3/3 trường đều đạt chuẩn quốc gia.

- Cơ sở vật chất ngành y tế: xây dựng mới Phòng khám đa khoa khu vực Hòa Tâm; nâng cấp Trạm y tế khu vực Hòa Vinh; xây dựng Trung tâm Y tế dự phòng (tại thị trấn Hòa Vinh) với trang thiết bị hiện đại trước năm 2011; đầu tư nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện (tại xã Hòa Hiệp Trung) lên quy mô 100 giường vào sau năm 2010 và thành Bệnh viện Đa khoa khu vực quy mô 170 - 200 giường vào sau năm 2015; đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa huyện (tại thị trấn Hòa Vinh) với quy mô 50 giường vào sau năm 2015, đồng thời xây dựng mới 3 trạm y tế tại các phường và xã Hòa Hiệp Đông mới.

- Phát triển khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường:

+ Xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ có đủ năng lực nội sinh đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội; đầu tư chiều sâu, thay thế dần công nghệ cũ bằng công nghệ mới, tiên tiến hiện đại vào các ngành, các cơ sở sản xuất; đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư phát triển khoa học công nghệ, nâng cao tỷ lệ vốn đầu tư cho phát triển khoa học công nghệ;

+ Khai thác, sử dụng đất phải gắn liền với nhiệm vụ bồi bổ, tái tạo, làm tăng độ phì cho đất, chống suy thoái, ô nhiễm môi trường đất; gắn lợi ích kinh tế với bảo vệ môi trường, đảm bảo bền vững lâu dài; ngoài ra, việc khai thác sử dụng đất phát triển kinh tế - xã hội phải đảm bảo quốc phòng, an ninh, tôn trọng tập quán của người dân;

+ Mở rộng, nâng cấp hệ thống thủy lợi, nâng cao hiệu quả sử dụng và tái sử dụng nước; đặc biệt, chú trọng đến các công trình hồ chứa nước để trữ nước, điều tiết nước theo thời gian và không gian; nâng cao nhận thức cộng đồng dân cư về sử dụng hợp lý, tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên nước, khuyến khích cộng đồng tham gia vào việc bảo vệ tài nguyên nước;

+ Tăng cường xã hội hóa công tác bảo vệ và phát triển rừng, giao khoán quản lý bảo vệ rừng cho các hộ dân cư, tập thể... theo luật pháp về đất đai, bảo vệ và phát triển rừng; nghiêm cấm phá rừng để mở rộng diện tích đất nông nghiệp, hạn chế di dân phá rừng làm nương rẫy, khai thác lâm sản và săn bắt động vật hoang dã trái phép, ngăn chặn hiệu quả nạn cháy rừng vào mùa khô nóng, ngăn ngừa sâu bệnh hại rừng;

+ Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn người dân sử dụng thuốc, phân bón hợp lý, đẩy mạnh các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư khuyến khích nông dân triển khai ứng dụng các mô hình IPM, VAC, VACR, nâng cao kỹ thuật thâm canh để giảm bớt dùng hóa chất trong sản xuất nông nghiệp; ứng dụng nghiên cứu khoa học vào việc sử dụng các chế phẩm sinh học để phân hủy để thay thế dần thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa chất; thực hiện di dời các cơ sở sản xuất nhỏ, phân tán đến khu vực sản xuất tập trung; các cơ sở sản xuất có tính chất độc hại nên bố trí ở những khu vực xa dân cư, cách xa nguồn nước sinh hoạt; khuyến khích các nhà đầu tư, các cơ sở sản xuất đổi mới công nghệ, lắp đặt hệ thống xử lý khói bụi;

+ Thực hiện chương trình giáo dục cộng đồng, các chiến dịch nâng cao nhận thức cho nhân dân để ngăn ngừa việc đổ chất thải một cách bừa bãi, bất hợp pháp; xúc tiến xây dựng bãi rác tập trung tại khu vực xã Hòa Xuân Tây; đầu tư xây dựng nghĩa trang tập trung tại thôn Nam Bình 1 (xã Hòa Xuân Tây).

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN LÃNH THỔ**1. Phân vùng lãnh thổ:**

a) Vùng ven biển: nằm ở khu vực phía Đông huyện, gồm 3 xã; diện tích 43,69km², chiếm 16,33% tổng diện tích tự nhiên; có định hướng phát triển đến năm 2020:

- Công nghiệp: hình thành các Khu công nghiệp: Hòa Hiệp 1, Hòa Hiệp 2; khu phi thuế quan,... (trong Khu kinh tế Nam Phú Yên);

- Dịch vụ: phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng, hệ thống thông tin liên lạc; đa dạng hóa các hoạt động thương mại phục vụ sản xuất và đời sống dân cư;

- Nông lâm ngư nghiệp: ổn định diện tích nuôi thủy sản, đa dạng hóa vật nuôi, khai thác hợp lý theo quy hoạch; phát triển loại hình du lịch gắn với khu vực nuôi trồng thủy sản tại hạ lưu sông Bàn Thạch.

b) Vùng đồi núi: nằm ở khu vực phía Đông và Đông Nam huyện, gồm 2 xã và vùng lân cận; diện tích 141,39km², chiếm 52,84% tổng diện tích tự nhiên; có định hướng phát triển đến năm 2020:

- Công nghiệp: hình thành Khu công nghiệp tổ hợp lọc hóa dầu Hòa Tâm (trong Khu kinh tế Nam Phú Yên);

- Dịch vụ: Phát triển các dịch vụ cảng và vận tải biển, dịch vụ tài chính - ngân hàng, mở rộng các loại dịch vụ bảo hiểm, đặc biệt là dịch vụ bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu qua cảng Vũng Rô;

- Nông lâm ngư nghiệp: phát triển mạnh lĩnh vực trồng rừng, ổn định diện tích nuôi thủy sản, đa dạng hóa vật nuôi, khai thác hợp lý theo quy hoạch; phát triển loại hình du lịch gắn với khu vực nuôi trồng thủy sản tại hạ lưu sông Bàn Thạch.

c) Vùng đồng bằng: nằm ở khu vực phía Tây huyện, gồm 5 xã; diện tích tự nhiên 82,52 km², chiếm 30,83% diện tích tự nhiên; có định hướng phát triển đến năm 2020:

- Nông lâm ngư nghiệp: đẩy mạnh phát triển nông nghiệp toàn diện gắn với xây dựng nông thôn mới, hình thành các vùng sản xuất lương thực, thực phẩm trọng điểm; thực hiện giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển trang trại, trồng rừng kinh tế;

- Dịch vụ: phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng, các dịch vụ công cộng khác; khai thác các danh lam thắng cảnh thiên nhiên dọc sông Bàn Thạch và đồi núi (xã Hòa Xuân Tây) để phát triển các loại hình du lịch sinh thái, vui chơi giải trí;

- Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp: phát triển công nghiệp cơ khí, công nghiệp chế biến nông lâm sản, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, hình thành các cụm điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Bàn Nham Nam, với các cơ sở sản xuất làm vệ tinh cho các Khu công nghiệp...

2. Phát triển hệ thống đô thị và các thị tứ nông thôn:

a) Phát triển đô thị:

- Thị trấn Hòa Vinh: hình thành vào năm 2011 với vai trò là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của huyện Đông Hòa;

- Thị trấn Phú Hiệp: từ năm 2011 hình thành xã Hòa Hiệp Trung (mới) và Hòa Hiệp Đông; giai đoạn từ 2011 đến năm 2015 phát triển thành thị tứ Phú Hiệp (thuộc xã Hòa Hiệp Trung), sau 2015 là đô thị loại V, thị trấn Phú Hiệp;

- Thị trấn Hòa Tâm: trung tâm xã Hòa Tâm đang được quy hoạch để xây dựng mới sau khi bàn giao đất cho Khu công nghiệp lọc hóa dầu, quy mô giai đoạn đầu là 60ha; giai đoạn 2008-2015; đầu tư xây dựng khu trung tâm xã thành thị tứ, sau 2015 là đô thị loại V, thị trấn Hòa Tâm.

b) Phân bố dân cư nông thôn - phát triển các thị tứ:

- Phát triển, bố trí các khu dân cư nông thôn: tổ chức phân bố lại hệ thống dân cư phù hợp với trình độ phát triển là điều cần thiết và cấp bách nhằm tạo ra một bộ mặt xã hội mới;

- Phát triển thị tứ: dự báo một số khu vực đông dân cư, kinh tế - xã hội tương đối ổn định sẽ phát triển thành thị tứ: Lộc Đông; Cảnh Phước, Hảo Sơn; Mỹ Hòa.

c) Tổ chức đơn vị hành chính:

- Giai đoạn đến năm 2011, thành lập 1 thị trấn mới (thị trấn Hòa Vinh), đô thị loại V; đầu tư đến năm 2018 nâng cấp thị trấn Hòa Vinh lên đô thị loại IV, đưa huyện Đông Hòa thành thị xã Đông Hòa vào năm 2020;

- Năm 2011, tách xã Hòa Hiệp Trung thành xã Hòa Hiệp Trung (mới) và xã Hòa Hiệp Đông; sau năm 2015, nâng cấp xã Hòa Hiệp Trung thành đô thị loại V, thị trấn Phú Hiệp; đến năm 2011, toàn huyện có 1 thị trấn và 10 xã; năm 2020, thị xã Đông Hòa có 2 phường, 2 thị trấn và 8 xã.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN, DỰ ÁN ƯU TIÊN

1. Các chương trình ưu tiên:

- Chương trình cải thiện và phát triển hệ thống giao thông vận tải.
- Chương trình đầu tư cải thiện hệ thống thủy lợi.
- Chương trình nước sạch nông thôn - vệ sinh môi trường.
- Chương trình phát triển thông tin liên lạc.
- Chương trình phát triển hệ thống lưới điện.
- Chương trình đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.
- Chương trình đẩy mạnh phát triển dịch vụ - du lịch và thương mại.
- Chương trình phát triển nông nghiệp - nông thôn.
- Chương trình bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp.

- Chương trình phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Chương trình phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Chương trình dân số - gia đình và trẻ em.

- Chương trình xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm.

- Chương trình phát triển các thị trấn, thị tứ vệ tinh.

2. Các dự án ưu tiên đầu tư: xem Biểu tại Phụ lục kèm Quyết định này.

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỦ YẾU

1. Huy động vốn đầu tư:

a) Nhu cầu vốn: tổng vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006-2020 ước khoảng 128,9 nghìn tỷ đồng; cơ cấu đầu tư được chuyển đổi theo hướng đầu tư có hiệu quả, trọng điểm; tập trung cho lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, tạo khâu phát triển đột phá và là tiềm lực cho phát triển lâu dài.

b) Khả năng huy động các nguồn vốn: ngân sách nhà nước: chiếm khoảng 3,5-3,8%; vốn đầu tư nước ngoài (FDI), vốn các doanh nghiệp, vốn nhân dân đầu tư chiếm khoảng 83-84%; vốn tín dụng thương mại chiếm khoảng 12,2-14,5%.

c) Giải pháp phát triển nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu lao động:

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo; y tế và văn hóa; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng tốt nguồn nhân lực hiện có; đẩy mạnh phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; xã hội hóa, đa dạng các hình thức đào tạo nghề cho người lao động.

- Đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ, sẵn sàng tiếp nhận, tạo điều kiện để lao động kỹ thuật có tay nghề cao, cán bộ giỏi ở các khu vực khác về công tác lâu dài tại địa phương.

- Phát triển thị trường dịch vụ lao động, chuẩn bị đội ngũ lao động chất lượng cung cấp cho Khu kinh tế Nam Phú Yên, từng bước xuất khẩu.

d) Áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất:

- Vận động, tuyên truyền nhân dân thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, cải tạo các giống cây, con địa phương năng suất thấp bằng các giống mới có năng suất, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu;

- Khuyến khích và tạo điều kiện đổi mới và nâng cao năng lực các cơ sở sản xuất, ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ hiện đại; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tin học hóa công tác quản lý ở các cấp, các ngành; từng bước áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế.

e) Nâng cao năng lực quản lý hành chính: kiện toàn bộ máy hành chính từ cấp huyện đến cấp xã, đảm bảo đồng bộ giữa các khâu; xây dựng bộ máy hành chính

trong sạch, vững mạnh và thân thiện với nhân dân; triển khai sâu rộng cơ chế “một cửa”; đổi mới phương thức điều hành, tạo sự chủ động linh hoạt từ cấp dưới.

f) Giải pháp phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: đổi mới công nghệ, hoàn thiện tổ chức sản xuất, nâng cao chất lượng, đa dạng sản phẩm, mẫu mã; xây dựng thương hiệu; thiết lập được các mối quan hệ hợp tác liên doanh, liên kết sản xuất với đối tác trong và ngoài nước; tổ chức lại hoạt động của hệ thống chợ nông thôn; hình thành các trung tâm, cụm kinh tế - thương mại, dịch vụ tại các khu vực thị trấn, thị tứ, các đầu mối giao thông.

g) Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần: tạo hành lang thích hợp và cơ chế thuận lợi cho Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã...; tổ chức, sắp xếp lại hệ thống các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất hợp lý, từng bước nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động.

h) Tăng cường mối liên kết, hợp tác phát triển với các địa phương lân cận: củng cố và phát triển các mối quan hệ hợp tác, liên doanh, liên kết giữa Đông Hòa với thành phố Tuy Hòa, huyện Tây Hòa, trên cơ sở khai thác các tiềm năng, lợi thế, bổ sung nguồn lực cho phát triển và cùng nhau giải quyết các vấn đề xã hội liên quan.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Ủy ban nhân dân huyện Đông Hòa: là đầu mối triển khai thực hiện Quy hoạch, triển khai các nội dung:

+ Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đã được phê duyệt tiến hành lập các kế hoạch thực hiện 5 năm và hàng năm phù hợp với quy hoạch chung của huyện; xây dựng các chương trình cụ thể cho từng địa phương trong huyện; xác định các vấn đề trọng tâm, các bước thực hiện trong từng thời kỳ cụ thể theo định hướng của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020;

+ Công bố quy hoạch, thu hút sự chú ý, nâng cao nhận thức người dân về tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế - xã hội huyện; công khai Quy hoạch cho mọi tầng lớp dân cư, các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để huy động tham gia thực hiện Quy hoạch; phối hợp với các ngành Trung ương, các tỉnh bạn để triển khai các chương trình phát triển và hợp tác cùng phát triển; phân công, phân cấp thực hiện Quy hoạch một cách rõ ràng để thuận tiện cho công tác kiểm tra giám sát.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì cùng các sở, ban, ngành trong tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đông Hòa thực hiện, ưu tiên các nội dung:

+ Phối hợp tổ chức phát triển kinh tế - xã hội huyện Đông Hòa bền vững;

+ Tăng cường hỗ trợ vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống giao thông, thủy lợi, hệ thống cấp nước, các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng; đẩy nhanh tiến độ thực hiện 2 dự án: Khu tái định cư Phú Lạc và Khu trung tâm mới

xã Hòa Tâm nhằm tạo điều kiện triển khai nhanh Dự án Nhà máy lọc dầu Vũng Rô và Hạ tầng Khu công nghiệp hóa dầu Hòa Tâm;

+ Phối hợp giúp đỡ huyện trong việc tăng cường quảng bá, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh, kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư;

+ Đầu tư thỏa đáng để phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ dân trí; tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công, hướng dẫn người dân kỹ thuật canh tác, sử dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Điều 2. Các ông: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động-Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Đông Hòa, Tây Hòa, thành phố Tuy Hòa và các huyện, thị xã trong tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Biểu Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2006-2020

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Quy mô	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Phân đoạn đầu tư		
					2006 - 2010	2011 - 2015	2016 - 2020
CÁC DỰ ÁN CƠ SỞ HẠ TẦNG							
I	Nông nghiệp - Phát triển nông thôn						
1	Dự án trồng rừng chắn gió và cát	Ven biển	200ha	30	5	10	15
2	Dự án trồng, chăm sóc rừng Đèo Cả	Hòa Xuân Nam	2000 ha	20	5	10	5
3	Dự án Khu NTTS gắn phát triển du lịch vùng hạ lưu sông Bàn Thạch	Hòa Tâm	500-600ha	100	30	30	40
6	Dự án Cảng cá Phú Lạc	Hòa Hiệp Nam	Tàu 3000CV	50	10	20	20
7	Dự án kè bờ biển vùng bãi ngang ven biển	Ven biển	10-12km	150	20	50	80
8	Cải tạo và phát triển đàn bò	Huyện Đông Hòa	Tăng tỷ lệ bò lai 85%	10	3	3	4
9	Chương trình giao thông nông thôn, kiên cố hoá kênh mương		40	10	20	10	
10	Hồ chứa nước Đồng Bé	xã Hòa Tâm	8 triệu khối nước	70	5	65	
11	Trạm bơm điện Đá Gốc	xã Hòa Tân Đông	tưới 200ha	10		10	
12	Đê bao Suối Ty	xã Hòa Xuân Nam		10	5	5	
13	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới các hồ chứa nước và trạm bơm	huyện Đông Hòa		120	15	45	60
II	Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp						
1	Dự án Lọc dầu Vũng Rô	Hòa Tâm	4 triệu tấn/năm	27.200	9.000	18.200	
2	Dự án Tổ hợp hóa dầu Hòa Tâm	Hòa Tâm	800.000 tấn etylen/năm	58.200	2.000	23.000	33.200
3	Dự án chế biến thủy sản xuất khẩu	KCN Hòa Hiệp 1		100		50	50

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Quy mô	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Phân đoạn đầu tư		
					2006 - 2010	2011 - 2015	2016 - 2020
4	Dự án Nhà máy sản xuất Khung tiền chế			100		50	50
5	Nhà máy chế biến song mây xuất khẩu	KCN Hòa Hiệp 2		100	50	50	
6	Tổng kho xăng dầu - đường ống dẫn dầu đi Tây Nguyên	huyện Đông Hòa		2.000		500	1500
7	Nhà máy sản xuất điện tử, điện máy			100		50	50
8	Nâng cấp mở rộng các nhà máy bia - nước giải khát	KCN Hòa Hiệp 1		100	50	50	
9	Cơ sở hạ tầng điểm công nghiệp tập trung	Bản Nham	7,0ha	15		10	5
10	Dự án năng lượng nông thôn REII	các xã		15	15		
III	Giao thông - Vận tải						
1	Xây dựng mới tuyến đường Hòa Xuân - Sơn Thành	các xã	37km	250	20	230	
2	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến Ba Bản - Hòa Hiệp Trung		cải tạo 3,7km	20	5	15	
3	Dự án đầu tư nâng cấp và xây dựng mới tuyến Gò Mằm - Đông Mỹ - KCN Hòa Hiệp I (cả cầu vượt đường sắt)	Huyện Đông Hòa	15-20km	300	50	250	
4	Tuyến đường hạ tầng đô thị Nam TP.Tuy Hòa - KCN HH I - Vũng Rô		01 cầu, 30km đường	400	50	250	100
5	Dự án nâng cấp, xây dựng mới đường Phú Khê - Đa Ngư (Hòa Hiệp Nam)		12km	70	50	20	
6	Xây dựng tuyến đường hoàn trả của nhà máy lọc dầu Vũng Rô	Hoà Xuân Nam	6km	60	60		
7	Dự án Cảng Vũng Rô	Hòa Xuân Nam	Tàu 30.000 tấn	700	100	400	200
8	Dự án Cảng Bãi Góc và đê chắn sóng	Hòa Tâm	Tàu trên 250.000 tấn	2.400	200	1.200	1.000
9	Dự án Cầu vượt đường sắt và đường dẫn KCN Hóa dầu Hòa Tâm	Hòa Tâm		200	50	150	
10	Dự án đường giao thông Bãi Chùa - QL1A	Hòa Xuân Nam	7-10km	100	20	80	

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Quy mô	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Phân đoạn đầu tư		
					2006 - 2010	2011 - 2015	2016 - 2020
11	Dự án Cầu Phước Giang	huyện Đông Hòa		100		100	
12	Dự án đường sắt nối cảng Bãi Góc - đường sắt Bắc-Nam		7-10km	200		200	
13	Dự án Ga đường sắt Phú Hiệp	Hòa Hiệp Trung		300	50	100	150
14	Dự án Hầm đường bộ Đèo Cả	huyện Đông Hòa	8km	6.600	1.000	5.600	
15	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông nông thôn		60km	60	20	20	20
16	Đường quốc lộ cao tốc		35km	350		200	150
17	Nâng cấp tuyến đường Hòa Hiệp Bắc - Hòa Hiệp Nam		5,5km	10	3	7	
18	Đường liên xã Hòa Vinh - Hòa Tân Đông		10km	10	5	5	
19	Tuyến đường Bến Lớn sông Bàn Thạch - UBND xã Hòa Hiệp Bắc		15km	20	5	15	
IV	Thương mại - Du lịch						
1	Dự án Khu du lịch Đèo Cả - Vũng Rô	Hòa Xuân Nam	50ha	100	50	50	
2	Các dự án thương mại-dịch vụ-du lịch	Hòa Vinh-Hòa Xuân Đông-Hòa Hiệp Trung	100ha	240	100	140	
3	Dự án Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Phú Lạc	Hòa Hiệp Nam	Hậu cần cho 500 tàu	100	20	80	
4	Hạ tầng chợ các xã	các xã, thị trấn		10	3	3	4
V	Hạ tầng đô thị và các khu dân cư						
1	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng thị trấn Hòa Hiệp Trung	Hòa Hiệp Trung	100ha	150		80	70
2	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng khu tái định cư Phú Lạc (Bắc sông Đà Nông)	Hòa Hiệp Nam	46ha	160	70	90	
3	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính	Hòa Tâm	60ha	900	300	400	200

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Quy mô	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Phân đoạn đầu tư		
					2006 - 2010	2011 - 2015	2016 - 2020
	mới xã Hòa Tâm						
4	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phục vụ KCN Hòa Hiệp - xã Hòa Hiệp Trung	Hòa Hiệp Trung	131ha	200	20	50	130
5	Dự án san lấp mặt bằng khu vực phía Tây xã Hòa Hiệp Bắc - quốc lộ 1A	Hòa Hiệp Bắc	500ha	400	20	180	200
6	Dự án san lấp mặt bằng và kè bờ Bắc hạ lưu sông Bàn Thạch	huyện Đông Hòa	15km	200	30	80	90
7	Dự án san lấp mặt bằng và kè bờ Nam hạ lưu sông Bàn Thạch	huyện Đông Hòa	10km	100	30	30	40
8	Hệ thống giao thông đô thị	thị trấn Hòa Vinh	30km	120	30	50	40
9	Hệ thống thoát nước đô thị		36km cống các loại. Trạm xử lý nước thải 2.000m ³ /ngày đêm	70	20	30	20
10	Hệ thống cấp nước đô thị		5200m ³ /ngày đêm	20	5	10	5
11	Hệ thống cấp điện đô thị		Cải tạo 8,2km xây dựng mới 33km tuyến trung thế 22KV, trạm hạ thế 10.600KVA 42km hạ thế, đèn đường	25	5	5	15
12	Hệ thống thông tin liên lạc		Tổng đài và cáp cho 7200TB	35	10	10	15
13	Quy hoạch, chỉnh trang, đầu tư cơ sở hạ tầng các khu dân cư phát triển thị tứ, thị trấn	huyện Đông Hòa	Lộc Đông, Cảnh Phước, Mỹ Hòa, Hòa Hiệp Đông (dự kiến tách xã), Hòa Hiệp Trung, Hòa Xuân Đông, Hòa Xuân Đông, Hào Sơn, Phú Lạc, Hòa Tâm	100	20	50	30

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Quy mô	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Phân đoạn đầu tư		
					2006 - 2010	2011 - 2015	2016 - 2020
VI	Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp						
1	Dự án Hạ tầng KCN Hóa dầu Hòa Tâm	Hòa Tâm	1300ha	2.400	400	1.500	500
2	Dự án Hạ tầng KCN Hòa Hiệp I, II	Hòa Hiệp Trung	101,5ha	100	50	50	
VII	Y tế - Xã hội						
1	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm huyện	thị trấn Hòa Vinh	50 giường	25		10	15
2	Dự án nâng cấp trang thiết bị, mở rộng quy mô Bệnh viện Việt-Hàn	Hòa Hiệp Trung	150 giường	150	20	70	50
3	Hỗ trợ đầu tư nâng cấp các trạm y tế xã để đạt chuẩn quốc gia	các xã	10 xã	20	5	10	5
4	Trung tâm y tế dự phòng	thị trấn Hòa Vinh	700-800m ²	3	3		
VIII	Giáo dục - Đào tạo						
1	Trường THPT Nguyễn Văn Linh	Hòa Hiệp Trung		15	5	10	
2	Trường THPT Hòa Xuân Đông	Hòa Xuân Đông		15		5	10
3	Trường THCS Trường Chinh	Hòa Hiệp Bắc		5	5		
4	Trường THCS Lê Thánh Tôn	Hòa Xuân Nam		5	5		
5	Trường THCS Quang Trung	Hòa Xuân Tây		5	5		
6	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	Hòa Xuân Đông		5	5		
7	Chương trình kiên cố hóa trường học	các xã	250 phòng học	40	15	15	10
8	Trường công nhân kỹ thuật, dạy nghề và Giáo dục thường xuyên	thị trấn Hòa Vinh	500 học sinh	30	5	15	10
9	Trường mầm non huyện			5	5		
10	Dự án phân trường 2, Đại học Phú Yên tại khu đô thị Nam TP.Tuy Hòa	huyện Đông Hòa	5.000 sinh viên	500		200	300
IX	VHTT-PTTH-TDĐT						
1	Nhà văn hóa huyện	thị trấn Hòa Vinh		100	10	20	70
2	Thư viện huyện			15	15		

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Quy mô	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Phân đoạn đầu tư		
					2006 - 2010	2011 - 2015	2016 - 2020
3	Trung tâm văn hoá thể thao (sân vận động, nhà tập thi đấu thể thao, CLB...)			100		50	50
4	Dự án Tượng đài tàu không số Vũng Rô	Hòa Tâm		5	5		
5	Dự án Tổ hợp thể dục thể thao phục vụ Khu kinh tế Nam Phú Yên	huyện Đông Hòa	40ha	200		100	100
6	Dự án xây dựng thiết chế VH TT cấp xã	huyện Đông Hòa		20	5	10	5
7	Dự án xây dựng các trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã, phường	huyện Đông Hòa		30	2	13	15
X	Các dự án khác						
1	Trụ sở UBND - HĐND huyện	thị trấn Hòa Vinh		18	8	10	
2	Trụ sở Huyện uỷ			10	10		
3	Trụ sở Mặt trận và các đoàn thể			8	8		
4	Hỗ trợ xây dựng trụ sở các xã	các xã, thị trấn		10	2	3	5
5	Trụ sở các cơ quan của tỉnh, Trung ương đóng trên địa bàn	thị trấn Hòa Vinh		50	30	20	
6	Nghĩa trang và bãi xử lý rác thải tập trung	Hòa Xuân Tây		30	5	25	
XI	Các dự án khác						
1	Dự án lưới điện và các trạm điện	huyện Đông Hòa	3 trạm 110kVA và 15km đường dây	600	300	300	
2	Dự án tổ hợp phát điện - khí Khu công nghiệp Hóa dầu	Hòa Tâm	180MW	3.000		1.500	1.500
3	Dự án truyền hình kỹ thuật số mặt đất	huyện Đông Hòa		100	20	40	40
4	Dự án xây dựng hệ thống cáp quang			200	50	50	100
5	Dự án xử lý chất thải KCN Hòa dầu Hòa Tâm	Hòa Tâm		150		100	50
6	Dự án xử lý chất thải công nghiệp và đô thị	các KDC và KCN		100	50	50	
XII	Các dự án sản xuất kinh doanh	huyện Đông Hòa		1.000	100	400	500